

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NK,
THÀNH PHỐ C**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/KDTM-ST

Ngày: 21/06/2022

V/v: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NK, THÀNH PHỐ C**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc B

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Trần Thị D

2/ Bà Đỗ Thị Lệ H

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều T – Thư ký Tòa án nhân dân quận NK, thành phố C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận NK, thành phố C tham gia phiên tòa: Ông Tô Văn T – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 06 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận NK, thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 27/2021/TLST- KDTM ngày 08 tháng 06 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 334/2022/QĐST- KDTM ngày 26 tháng 05 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH Đ- ông Đào Đức Đ là người đại diện theo pháp luật

Địa chỉ: 307E/9 Hoàng Q, khu vực 4, phường A, quận N, thành phố C.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Nguyễn Minh T và bà Phạm Trần BT.

Địa chỉ: 313E Hoàng Q, khu vực 4, phường A, quận N, thành phố C.

- Bị đơn: Công ty TNHH xây dựng công trình T – ông Nguyễn Mạnh T là người đại diện theo pháp luật.

Địa chỉ: 647F3/10 khu vực B, phường L, quận B, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/04/2021 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Công ty Đ và công ty T có ký hợp đồng mua bán số 110/HĐMB.2017 ngày 23/12/2017, hàng hóa mà các bên mua bán là vật liệu xây dựng. Công ty Đ đã cung cấp vật liệu xây dựng cho công ty T nhiều lần và đã thực hiện việc đối chiếu công nợ vào ngày 31/08/2018. Theo bản đối chiếu công nợ ngày 31/08/2018 công ty T còn nợ công ty Đ số tiền 378.378.885đ. Công ty Đ đã nhiều lần yêu cầu công ty T thanh toán số tiền trên nhưng công ty T chỉ thanh toán được số tiền 50.000.000đ vào ngày 15/11/2018. Nên công ty Đ khởi kiện yêu cầu công ty T thanh toán số tiền còn lại 328.378.885đ và lãi. Theo Điều 4 của hợp đồng mua bán số 110/HĐMB.2017 ngày 23/12/2017 công ty Đ và công ty T thỏa thuận nếu bị đơn chậm thanh toán thì phải chịu lãi với lãi suất 1% mỗi tháng tại thời điểm quá hạn. Nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi với lãi suất 1% mỗi tháng kể từ ngày 01/10/2018 đến ngày 21/06/2022 và yêu cầu tiếp tục tính lãi đến khi thanh toán xong. Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo lãi suất cơ bản 0.75% mỗi tháng kể từ ngày 01/10/2018 đến ngày 21/06/2022.

Bị đơn: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn cầu bị đơn thanh toán số tiền 328.378.885đ theo bản đối chiếu công nợ ngày 31/08/2018 và lãi đối với số tiền trên theo lãi suất cơ bản là 0,75% mỗi tháng kể từ ngày 01/10/2018 đến ngày 21/06/2018.

Bị đơn vắng mặt đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- **Về tuân theo pháp luật tố tụng:** Tòa án tiến hành thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, trình tự thụ lý, giao nhận các văn bản tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định về thủ tục tố tụng tại phiên tòa.

- **Về nội dung giải quyết vụ án:** Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền theo bản đối chiếu công nợ ngày 31/08/2018 là 328.378.885đ và lãi đối với

số tiền trên theo lãi suất 0,75% mỗi tháng phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn và bị đơn có ký hợp đồng mua bán số 110/HĐMB.2017 ngày 23/12/2017. Theo Điều 7 của hợp đồng mua bán các bên đã thỏa thuận khi các bên có tranh chấp Tòa án nơi đặt trụ sở của bên bán (nguyên đơn) là nơi giải quyết tranh chấp. Nguyên đơn: Công ty TNHH Đ có địa chỉ: 307E/9 đường H, khu vực 4, phường A, quận N, thành phố C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận NK, thành phố C theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

- Bị đơn Công ty TNHH xây dựng công trình T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Theo bản đối chiếu công nợ ngày 31/08/2018 nguyên đơn và bị đơn đã xác nhận bị đơn nợ nguyên đơn số tiền 378.378.885đ. Tuy nhiên vào ngày 15/11/2018 bị đơn có thanh toán cho nguyên đơn số tiền 50.000.000đ. Việc nguyên đơn thừa nhận bị đơn đã thanh toán số tiền 50.000.000đ và yêu cầu cản trừ số tiền 50.000.000đ cho bị đơn là có lợi cho bị đơn. Nguyên đơn chỉ khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 328.378.885đ và yêu cầu tính lãi đối với số tiền 328.378.885đ như sau:

+ Số tiền 378.378.885đ nguyên đơn yêu cầu tính lãi với lãi suất 0,75% mỗi tháng tính từ ngày 01/10/2018 đến ngày 15/11/2018. Tiền lãi là 4.162.000đ.

+ Số tiền 328.378.885đ nguyên đơn yêu cầu tính lãi với lãi suất 0,75% mỗi tháng từ ngày 16/11/2018 đến ngày 21/06/2022. Tiền lãi là 106.312.000đ.

- Yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp và có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30, điểm b Khoản 1 Điều 35, điểm b Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 8 Điều 3, Điều 306 luật thương mại năm 2005.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn Công ty TNHH xây dựng công trình T nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn công ty TNHH Đ số tiền gốc là 328.378.885đ (ba trăm hai mươi tám triệu, ba trăm bảy mươi tám nghìn, tám trăm tám mươi lăm đồng) và lãi là 110.474.000đ (một trăm mười triệu, bốn trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn công ty TNHH Đ được nhận lại 11.253.200đ (mười một triệu, hai trăm năm mươi ba nghìn, hai trăm) đồng theo biên lai thu số 003923 ngày 20/04/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận NK.

Bị đơn Công ty TNHH xây dựng công trình T phải chịu 21.500.000đ (hai mươi một triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật), để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố C giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND Tp.C;
- VKSND Q.N;
- Chi cục THADS Q.N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị NB